

Số: 461/BC-STP

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026

Thực hiện Công văn số 10-CV/BCĐ ngày 10/12/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang; Công văn số 4060/UBND-KH&CĐS ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Sở Tư pháp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Sở Tư pháp đã kết nối trực tuyến Hội nghị toàn quốc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tới 100% đảng viên, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Sở; phổ biến Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hà Giang năm 2025; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 08/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 12/9/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại chương trình làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang (trước họp nhất) và các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số thông qua các buổi

giao ban đầu tuần, gửi tới từng tài khoản công chức, viên chức, người lao động trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Sở Tư pháp, đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang.

Ban hành Kế hoạch số 26/KH-STP ngày 12/9/2025 để triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 24-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 63/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Giám đốc Sở ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo của Sở về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06¹, Quyết định thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo² và tổ chức triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Công tác hoàn thiện thể chế

Sở Tư pháp đã thẩm định 02 dự thảo Quyết định (*dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang; dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chuyển đổi số thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang*); tham gia ý kiến 18 dự thảo văn bản có nội dung liên quan đến công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Rà soát, kiến nghị xử lý 05 nội dung vướng mắc, bất cập trong các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành để phục vụ phát triển kinh tế, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chủ trì, phối hợp rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, kiến nghị xử lý 34 nội dung tại 28 văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ đã được các cấp có thẩm quyền ban hành. Đồng thời, thực hiện rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm để nâng cao hiệu quả triển khai các nhiệm vụ về KHCN lĩnh vực tư pháp.

Thường xuyên rà soát, đề xuất cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa, đảm bảo không yêu cầu tổ chức, cá nhân kê khai, nộp lại các giấy tờ

¹ Quyết định số 144/QĐ-STP, ngày 09/8/2025 của Sở Tư pháp về việc thành lập Ban chỉ đạo của Sở Tư pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06

² Quyết định số 01/QĐ-BCĐ, ngày 10/8/2025 về việc Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo của Sở Tư pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06

đã được số hóa; tăng cường tái sử dụng thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa. Đảm bảo 100% TTHC lĩnh vực Tư pháp được thực hiện thông suốt, hiệu quả, triển khai thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính. Phối hợp triển khai thực hiện các biện pháp, giải pháp sử dụng các loại giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử (VNeID) thay thế giấy tờ khi thực hiện các TTHC.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ

Sở Tư pháp đã triển khai thực hiện, hoàn thành 11/11 chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao nhằm triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo)

2.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

a) Về phát triển hạ tầng số

Sở Tư pháp thường xuyên rà soát, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị; thuê dịch vụ hệ thống nhằm từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số. Đồng thời, chú trọng các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống thông tin và dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn. Thực hiện rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giảm 01 đơn vị sự nghiệp công lập và giảm 03 đầu mối bên trong của các đơn vị sự nghiệp công lập. Ban hành các quyết định phân công nhiệm vụ trong Lãnh đạo Sở và phân công nhiệm vụ các phòng, đơn vị, giao Văn phòng Sở chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó phân công 02 công chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ về công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Đã đăng ký, triển khai 98/98 công chức, viên chức tham gia lớp “Bình dân học vụ số” theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

Sở Tư pháp đã triển khai cài đặt và trang bị phần mềm diệt vi-rút có bản quyền cho 100% (98/98) máy tính của công chức, viên chức tại các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Tư pháp, bảo đảm an toàn cho hệ thống thiết bị đầu cuối. Duy trì triển khai và sử dụng 104/104 chứng thư số chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý, đạt tỷ lệ 100% (trong đó: 06 chứng thư số tổ chức và 98 chứng thư số cá nhân). 100% văn bản phát hành trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành của Sở được ký số, bảo đảm tuân thủ quy định về giao dịch điện tử và an toàn thông tin.

b) Về phát triển Chính quyền số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Sở Tư pháp đã tổ chức **108** buổi tuyên truyền pháp luật lưu động và thi tìm hiểu pháp luật cho **6.101** đại biểu, người dân tại cơ sở; đăng tải, chia sẻ 1.941 tin, bài, ảnh, văn bản trên Trang thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, Fanpage Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang, tiếp cận 52.390 người, thu hút 15.868 lượt tương tác, chia sẻ. Biên soạn 120 chủ đề pháp luật, phát sóng 920 buổi phát thanh chuyên mục “Phổ biến pháp luật” bằng 05 tiếng gồm: Việt, Tày, Dao, Cao Lan và Mông trên Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh; các tài liệu phát thanh được gửi cho UBND các xã để thực hiện tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở. trong có nội dung tuyên truyền về công tác chuyển đổi số. Qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về tính tất yếu, sự cần thiết, lợi ích thiết thực cả trước mắt và lâu dài của chuyển đổi số.

Sở Tư pháp duy trì cung cấp 156 dịch vụ công trực tuyến toàn trình/156 dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi quản lý của Sở, đạt tỷ lệ 100%; trong năm 2025, số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình của dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình của Sở Tư pháp là 2.203/tổng số 2.218 hồ sơ giải quyết trong năm, đạt 99,3% (*chỉ tiêu của UBND tỉnh đề ra là đạt từ 70% trở lên*).

Sở Tư pháp đã triển khai thanh toán trực tuyến đối với 85/85 DVC trực tuyến toàn trình, một phần có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, đạt tỷ lệ 100% (có 18 DVC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính là dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến không thực hiện thanh toán trực tuyến theo quy định). Triển khai rà soát, đánh giá TTHC và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa 212 TTHC thuộc lĩnh vực tư pháp. Cắt giảm thời gian giải quyết: Duy trì thực hiện cắt giảm tối thiểu 33,3%, tối đa 83,3% thời gian giải quyết TTHC so với quy định, nhằm phục vụ tốt nhất cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

c) Về nền tảng số, dữ liệu số

- Thực hiện các kế hoạch số hóa sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang (cũ), Sở Tư pháp hoàn thành số hóa 1.405.105/ 1.405.105 việc hộ tịch, đạt 100%, trong đó: Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (trước hợp nhất) đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thành số hóa sổ hộ tịch (số hóa xong 869.882/869.882 việc hộ tịch lên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch điện tử) vào tháng 4/2024, sớm hơn 08 tháng so với quy định của Chính phủ, Bộ Tư pháp. Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang (trước hợp nhất) hoàn thành số hóa 535.223/535.223 việc hộ tịch lên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch điện tử vào tháng 7/2025.

- Toàn tỉnh đã thực hiện và hoàn thành số hóa 314.732/314.732 thông tin đăng ký kết hôn của công dân, đạt 100%, trong đó:

+ Thực hiện rà soát 314.732/314.732 thông tin đăng ký kết hôn (đạt 100%).

+ Tiếp nhận 31.577 bản án, quyết định ly hôn của cơ quan Tòa án chuyên sang, trong đó 30.775 trường hợp có thông tin trong sổ hộ tịch gốc và trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đã thực hiện ghi chú ly hôn 30.775/30.775 trường hợp theo quy định (đạt 100%), còn 802 bản án, quyết định không có sổ gốc, không có thông tin/dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và công dân không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã đó, do vậy không thực hiện được việc ghi chú ly hôn.

d) Về thực hiện Đề án số 06 ngày 06/11/2022 của Chính phủ

Sở Tư pháp đã phối hợp với Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh triển khai rà soát, làm sạch dữ liệu hộ tịch, dữ liệu kết hôn; đồng thời thực hiện kết nối Cơ sở dữ liệu hộ tịch với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, góp phần nâng cao chất lượng dữ liệu và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Ngành Tư pháp duy trì thực hiện **05/05** nhóm dịch vụ công thiết yếu theo quy định tại Đề án 06³. Trong kỳ báo cáo đã tiếp nhận trực tuyến **217.836** hồ sơ/**224.100** tổng số hồ sơ tiếp nhận, **đạt tỷ lệ 97,2%**, có **6.264** hồ sơ nộp trực tiếp, chiếm **2,8%**, cụ thể:

+ *Dịch vụ công đăng ký khai sinh*: Toàn tỉnh phát sinh **33.360** hồ sơ, trong đó có **29.502** hồ sơ nộp trực tuyến, đạt 88,4%.

+ *Dịch vụ công đăng ký khai tử*: Toàn tỉnh phát sinh **7.740** hồ sơ, trong đó có **6.812** hồ sơ nộp trực tuyến, đạt 88%.

+ *Dịch vụ công đăng ký kết hôn*: Toàn tỉnh phát sinh **12.894** hồ sơ, trong đó có **11.420** hồ sơ nộp trực tuyến, đạt 88,6%.

+ *Dịch vụ công liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi*: Toàn tỉnh phát sinh **26.638** hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 100%.

+ *Dịch vụ công liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất*: Toàn tỉnh phát sinh **6.218** hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 100%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang đã thường xuyên quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Đề án số 06 của Chính phủ. Chủ động ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm; phân công nhiệm vụ rõ nhiệm vụ, thời gian thực hiện, sản phẩm đầu ra. Tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương trong rà soát,

³ Gồm: (1) Đăng ký khai sinh; (2) Đăng ký khai tử; (3) Đăng ký kết hôn; (4) Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; (5) Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác, tái sử dụng dữ liệu dân cư, dữ liệu hộ tịch trong giải quyết thủ tục hành chính, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân:

Hiện nay, kết quả thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*sau đây viết tắt là Bộ chỉ số*) còn thấp, do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân khách quan như:

- Trong năm 2025, có thời điểm, thông tin, số liệu phục vụ đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa chính xác so với thực tế tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC, tình hình triển khai cung cấp DVC trực tuyến của Sở Tư pháp dẫn đến kết quả đánh giá một số chỉ số (*công khai, minh bạch; tiến độ, kết quả giải quyết; mức độ hài lòng*) trên Cổng DVC quốc gia của Sở Tư pháp thấp, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình nghiên cứu, triển khai thực hiện cũng như ảnh hưởng đến kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính của Sở.

- Phương pháp xác định một số chỉ số phục vụ đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực theo Bộ chỉ số chưa thực sự phù hợp với thực tế tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (***chỉ tiêu tỷ lệ cung cấp dịch vụ trực tuyến, tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến***), cụ thể:

- + Theo điểm b tiểu mục 3 phần II Phụ lục ban hành kèm theo Bộ chỉ số quy định tiêu chí tính điểm “***Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ***” theo công thức: “*Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ = Tổng số dịch vụ công trực tuyến có hồ sơ tiếp nhận trực tuyến có ngày tiếp nhận trong kỳ / Tổng số dịch vụ công trực tuyến đã khai báo, tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC * 100%*” là chưa hợp lý, vì trên thực tế có rất nhiều DVC trực tuyến được cung cấp mức độ toàn trình và mức độ một phần, tuy nhiên thực tế phát sinh rất ít hoặc không phát sinh hồ sơ do cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp không có nhu cầu.

- + Tương tự, theo điểm d tiểu mục 3 phần II Phụ lục ban hành kèm theo Bộ chỉ số quy định tiêu chí tính điểm “***Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến***”, như sau: “*Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến = Tổng số TTHC có giao dịch thanh toán thành công trên Hệ thống thanh toán trực tuyến / Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có thông tin phí, lệ phí trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (phí, lệ phí khác 0 hoặc không để trống) * 100%*” là chưa hợp lý, vì trên thực tế có rất nhiều DVC đã có thông tin phí, lệ phí trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, nhưng thực tế phát sinh rất ít hoặc không phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến do cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp không

có nhu cầu giải quyết TTHC dẫn đến không phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai và tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và các văn bản chỉ đạo có liên quan đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động của Sở; gắn việc thực hiện các nghị quyết với nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng phòng, đơn vị và từng cá nhân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về tính tất yếu, sự cần thiết, lợi ích thiết thực cả trước mắt và lâu dài của chuyển đổi số, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và toàn xã hội.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND hai tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang (trước hợp nhất) ban hành có liên quan đến chuyển đổi số để tham mưu xử lý, áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh sau hợp nhất; tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát tham mưu HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang (sau hợp nhất) ban hành các cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn tỉnh và khuyến khích, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

3. Thường xuyên rà soát các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số thuộc lĩnh vực tư pháp đã được giao tại các Kế hoạch, Văn bản giao nhiệm vụ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, phối hợp rà soát các hệ thống thông tin đang quản lý và sử dụng, đảm bảo để triển khai đồng bộ, thông suốt các dịch vụ công của ngành trên cổng Dịch vụ công quốc gia.

4. Tiếp tục Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước của Sở Tư pháp; thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và điều hành của Sở Tư pháp, xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối đồng bộ với việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang; Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định của Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo quy định, Sở Tư pháp trân trọng đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp xem xét, có giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ Sở Tư pháp trong việc xử lý số liệu chênh lệch giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với số liệu

trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, đảm bảo kết quả đánh giá các chỉ số phản ánh đầy đủ, chính xác với thực tế triển khai thực hiện của Sở Tư pháp.

2. Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi một số cách đánh giá các chỉ số về “*Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ*”, “*Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến*” để đảm bảo phù hợp, phản ánh đúng thực tế triển khai thực hiện, cụ thể:

- Đối với **Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ**, đề nghị xem xét, đánh giá theo công thức: “*Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ = Tổng số dịch vụ công trực tuyến có hồ sơ tiếp nhận trực tuyến có ngày tiếp nhận trong kỳ/Tổng số dịch vụ công trực tuyến đã khai báo, tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC có phát sinh hồ sơ * 100%*”.

- Đối với **Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến**, đề nghị xem xét, đánh giá theo công thức: “*Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến = Tổng số TTHC có giao dịch thanh toán thành công trên Hệ thống thanh toán trực tuyến/Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có thông tin phí, lệ phí trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ (phí, lệ phí khác 0 hoặc không để trống) * 100%*”.

Trên đây là báo cáo Kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Sở Tư pháp./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- Sở Khoa học và Công nghệ (T/hợp);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP, Toàn.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thị Thanh Hương

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao
tại Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

STT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Kết quả	Mô tả
1	Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành các văn bản theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về trách nhiệm tạo lập, cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm yêu cầu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung và đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	Thông báo số 44-TB/TGV ngày 12/9/2025	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	31/12/2025	Hoàn thành	- Kết nối chia sẻ dữ liệu Hộ tịch điện tử (theo danh mục 25 Dịch vụ công thiết yếu) - Chỉ đạo thực hiện việc rà soát, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu đăng ký kết hôn thuộc lĩnh vực hộ tịch; kết nối, chia sẻ dữ liệu, với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
2	Hoàn thành việc cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp theo Kế hoạch 02/KH-BCĐTW. Tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ của những thủ tục hành chính khác đã có dữ liệu từ các CSDL quốc gia, chuyên ngành	Thông báo số 44-TB/TGV ngày 12/9/2025	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	31/12/2025	Hoàn thành	Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa 212 TTHC thuộc lĩnh vực tư pháp. Cắt giảm thời gian giải quyết: Duy trì thực hiện cắt giảm tối thiểu 33,3%, tối đa 83,3% thời gian giải quyết TTHC so với quy định, nhằm phục vụ tốt nhất cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp
3	Các địa phương bảo đảm trang thiết bị đầu cuối, phần mềm để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; số hoá 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới; đến hết tháng 12/2025, hoàn thành số hoá ít nhất 30% tài liệu lưu trữ lịch sử	Thông báo số 44-TB/TGV ngày 12/9/2025	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	31/12/2025	Hoàn thành	- 100% công chức, viên chức, người lao động được trang bị máy vi tính đảm bảo phục vụ công tác chuyên đổi số. - Duy trì ổn định, thông suốt các hệ thống phần mềm chuyên ngành, lĩnh vực tư pháp. Kết nối và sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật hiện hành.

	có giá trị cao theo yêu cầu tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.						- Hoàn thành số hoá hồ sơ công việc, hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định
4	Chủ động bố trí đủ nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; phát huy hiệu quả thực chất phong trào “bình dân học vụ số” và các Tổ công nghệ số cộng đồng.	Thông báo số 46 - TB/TGV ngày 30/09/2025	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã		31/12/2025	Hoàn thành	- Bố trí 02 công chức, có trình độ đại học Công nghệ thông tin; - 98/98 công chức viên chức tham gia các khóa học “bình dân học vụ số” tại địa chỉ https://binhdanhocvuso.gov.vn = 100%
5	Chịu trách nhiệm trong việc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, dự án đã được giao, bảo đảm bám sát các hướng dẫn của cơ quan quản lý ngành, tránh trùng lặp, lãng phí (báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện trong tháng 12/2025).	Thông báo số 47- TB/TGV ngày 17/10/2025	Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị được giao nhiệm vụ, dự án	Sở Tài Chính; Sở KHCN	31/12/2025	Hoàn thành	Thường xuyên rà soát các nhiệm vụ, dự án được giao đảm bảo tránh trùng lặp, lãng phí, bám sát các hướng dẫn của cơ quan quản lý ngành cấp trên.

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh triển khai Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Kết quả	Mô tả
A	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia					
1	Ứng dụng nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng công nghệ số cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số; ban hành và triển khai phổ biến thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh.	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị; Địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	Thực hiện thường xuyên trong năm 2025, đến nay đã hoàn thành	98/98 công chức viên chức tham gia các khóa học “bình dân học vụ số” tại địa chỉ https://binhdanhocvuso.gov.vn = 100%
B	Chủ động rà soát các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh đã ban hành; khẩn trương, quyết liệt chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật sửa đổi và yêu cầu thực tiễn; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
1	Tạo dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; kết nối, khai thác và chia sẻ hiệu quả dữ liệu	Các sở, ngành	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và hằng năm	Thực hiện thường xuyên trong năm 2025, đến nay đã hoàn thành	Duy trì ứng dụng 18 phần mềm, CSDL dùng chung và chuyên ngành trong thực hiện kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu

2	Rà soát giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế theo thẩm quyền; kịp thời kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản liên quan đến thể chế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trường hợp cần thiết, cấp bách thực hiện xây dựng, ban hành quy trình rút gọn theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên	Thực hiện thường xuyên trong năm 2025, đến nay đã hoàn thành	Rà soát, kiến nghị xử lý 05 nội dung vướng mắc, bất cập trong các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành để phục vụ phát triển kinh tế, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
3	Tiếp tục đề xuất cơ chế đặc thù đối với tỉnh Tuyên Quang theo Kết luận của Chủ tịch Quốc hội tại Thông báo Kết luận số 743/TB-VPQH ngày 20/3/2025 của Văn phòng Quốc hội về thông báo kết luận của Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn.	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Thường xuyên	Không phát sinh	Thực hiện khi có yêu cầu, đề nghị của cơ quan, đơn vị liên quan
C	Phát triển nguồn nhân lực, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh					
1	Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/12/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang Giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2023.	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Thường xuyên	Thực hiện thường xuyên	
D	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp					
1	Đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm	Các sở, ngành	Tổ chức, cá nhân liên quan	Hằng năm	Thực hiện thường xuyên	